LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : LẠC QUAN – YÊU ĐỜI

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục mở rộng, hệ thống hoá vốn từ về tinh thần lạc quan, yêu đời.

2. Biết đặt câu với các từ đó.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Một số tờ phiếu khổ rộng kẻ bảng phân loại các từ phức mở đầu bằng tiếng *vui* (BT1)

– Bảng phụ viết tóm tắt *cách thử* để biết một từ phức đã cho chỉ hoạt động, cảm giác hay tính tình (BT1 – xem mẫu ở dưới).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra :

– Một HS đọc nội dung ghi nhớ (tiết LTVC *Thêm trạng ngữ chỉ MĐ cho câu*), đặt 1 câu có trạng ngữ chỉ mục đích.

– Một HS làm lại BT3.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài. GV nêu MĐ, YC của giờ học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của bài.

– GV hướng dẫn HS làm phép thử để biết một từ phức đã cho chỉ hoạt động, cảm giác hay tính tình :

hơ hớ, khanh khách, khành khạch, khềnh khệnh, khùng khục, khúc khích, khinh khích, rinh rích, rúc rích, sằng sặc, sặc sụa...	Bọn khỉ vừa chuyền cành thoăn thoắt vừa cười ***khành khạch***. Ông cụ cười ***khùng khục*** trong cổ họng. v.v...

3. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS ghi nhớ những từ tìm được ở BT3, đặt câu với 5 từ tìm được.

a) Từ chỉ hoạt động trả lời câu hỏi ***Làm gì ?***	*Bọn trẻ đang làm gì ?* *Bọn trẻ đang* ***vui chơi*** *ngoài vườn hoa.*
b) Từ chỉ cảm giác trả lời câu hỏi ***Cảm thấy thế nào ?***	*Em cảm thấy thế nào ?* *Em cảm thấy rất* ***vui thích****.*
c) Từ chỉ tính tình trả lời câu hỏi ***Là người thế nào ?***	*Chú Ba là người thế nào ?* *Chú Ba là người* ***vui tính****. / Chú Ba rất* ***vui tính****.*
d) Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình có thể trả lời đồng thời 2 câu hỏi : ***Cảm thấy thế nào ? Là người thế nào ?***	*Em cảm thấy thế nào ? Em cảm thấy* ***vui vẻ****.* *Chú Ba là người thế nào ? Chú Ba là người* ***vui vẻ****.*

– GV phát phiếu cho HS trao đổi theo cặp – các em đọc nội dung bài tập, xếp đúng các từ đã cho vào bảng phân loại.

– HS dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải.

– Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng :

a) Từ chỉ hoạt động	*vui chơi, góp vui, mua vui*
b) Từ chỉ cảm giác	*vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui*
c) Từ chỉ tính tình	*vui tính, vui nhộn, vui tươi*
d) Từ vừa chỉ tính tình vừa chỉ cảm giác	*vui vẻ*

Bài tập 2

– GV nêu yêu cầu của bài.

– HS làm bài, tiếp nối nhau đọc câu văn của mình. VD :

Cảm ơn các bạn đã đến *góp vui* với bọn mình.

Mình đánh một bản đàn để *mua vui* cho các cậu thôi.

Ngày ngày, các cụ già *vui thú* với những khóm hoa trong khu vườn nhỏ.

Bài tập 3

– HS đọc yêu cầu của BT3.

– GV nhắc các em : chỉ tìm các từ miêu tả tiếng cười – tả âm thanh (không tìm các từ miêu tả nụ cười, như : *cười ruồi, cười nụ, cười tươi,...*)

– HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ miêu tả tiếng cười.

– HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến – mỗi em nêu một từ, đồng thời đặt câu với từ đó. GV ghi nhanh lên bảng lớp những từ ngữ đúng, bổ sung những từ ngữ mới.

– HS viết từ tìm được vào vở hoặc VBT. VD :

cười ha hả	Anh ấy cười ***ha hả***, đầy vẻ khoái chí.
cười hì hì	Cu cậu gãi đầu cười ***hì hì***, vẻ xoa dịu.
cười hi hí	Mấy cô bạn tôi không biết thích thú điều gì, cứ cười ***hi hí*** trong góc lớp.
hơ hơ	Anh chàng cười ***hơ hơ,*** nom thật vô duyên.